

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
MẪU GIÁO NHỞ 4-5 TUỔI, LỚP 4 TUỔI D
TRƯỜNG MN THỐNG NHẤT

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Chủ đề thực hiện	Nội dung – Hoạt động giáo dục
		Bé khám phá bản thân	
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	✓	* ĐT hô hấp: hít vào thở ra * ĐT phát triển tay: 1. Đưa lên cao, ra phía trước, sang ngang 2. Đưa 2 tay ra trước - sau và vỗ vào nhau 3. Đưa ra trước, gập khuỷu tay 4. Đưa 2 tay ra trước, về phía sau 5. Đánh xoay tròn 2 vai. 1. Nghiêng người sang bên * ĐT phát triển cơ lưng bụng:

		<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiêng người sang bên 2. Quay người sang bên 3. Đứng cúi người về phía trước 4. Ngồi, cúi về phía trước, ngửa ra sau 5. Ngồi, quay người sang 2 bên <ol style="list-style-type: none"> 1. Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối <p>* ĐT phát triển cơ chân</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối 1. Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối 2. Đứng, một chân nâng cao gập gối 3. Đứng, nhún chân, khụy gối 4. Ngồi, nâng 2 chân duỗi thẳng 5. Bật lên trước, ra sau, sang bên. <p>* ĐT hô hấp: hít vào thở ra</p> <p>* ĐT phát triển tay:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đưa lên cao, ra phía trước, sang ngang <p>- Đón trẻ</p>
--	--	---

			- Thể dục sáng: Tập ghép với lời ca giai điệu bài hát " Trường chúng cháu đây là trường mầm non"
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động			
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	✓	- Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát) T1 - Đi bước dồn trước
MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	✓	- bước dồn ngang - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn
MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.		- Đi trên lớp xe - Đi thăng bằng đầu mang vật nặng. * Bật: - Bật liên tục về phía trước
MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.		- Bật (nhảy) xa 35 – 40cm - Bật (nhảy) từ trên cao 35 – 40cm xuống. - Bật nhảy chụm chân, tách chân - Bật qua vật cản. - Nhảy lò cò. - Bò bằng bàn tay bàn chân, bò giữa 2 đường kẻ.

		<ul style="list-style-type: none">* Đi/ Chạy soát vận động:- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh- Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh- Chạy thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn- Chạy chậm 60 m-80 m- Chạy theo đường đích dắc- Chạy theo bóng và bắt bóng+ Đi trên dây;* Bài tập tổng hợp:- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.* Bò, trườn, trèo:- Bò bằng bàn tay bàn chân, bò giữa 2 đường kẻ.- Bò trong đường đích dắc.- Bò, trườn chui qua cổng.- Bò chui qua ống dài.
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo lên xuống thang + Đường hầm bí mật; * Bài tập tổng hợp: <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (thẳng đứng). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Bật liên tục về phía trước Đồng diễn thể dục nhịp điệu, Erobic bài tập dân vũ, Bài tập thể dục tiếng anh, và tham gia một số trò chơi vận động, TC dân gian qua các hoạt động tập thể chào mừng ngày Hội đến trường, Tết Trung Thu. Ngày 20/11, ngày 22/12, ngày Tết Nguyên Đán, ngày 8/3... - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay.
--	--	---

			<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m cao 1,2 m). - Chuyên bắt bóng qua đầu. - Chuyên bắt bóng qua chân. + Những quả bóng sắc màu
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
MT6	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay. <p>3.2. Làm quen với một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, Erobic, bài tập dân vũ theo chủ đề. Bài tập thể dục tiếng anh và tham gia một số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua một số hoạt động tập thể, nhóm, cá nhân...</p>		<ul style="list-style-type: none"> * Bài tập phát triển chung * Hoạt động luyện tập: Vo, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, miết, gấn, nôi, luồn, thắt, buộc dây, lắp ráp, sử dụng bút và kéo thủ công. * Trò chơi: - Những ngón tay nhúc nhích,
MT7	<p>3.3. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. 	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo hình: Nặn (xoay tròn, miết đất...,) vò giấy, xoắn giấy, cắt dán - Đồng diễn thể dục nhịp điệu, Erobic, bài tập dân vũ theo chủ đề. Bài tập tập thể dục tiếng anh và chơi một số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua một số hoạt động tập thể, nhóm, cá nhân... - Tạo hình: Nặn (xoay tròn, miết đất...,) vò giấy, xoắn giấy, cắt dán - Vẽ bạn và cô giáo.

		<ul style="list-style-type: none">- Vẽ ngôi nhà, vẽ trường mầm non- Vẽ đồ chơi trung thu bé thích.- Cắt dán đồ chơi trung thu bé thích- Cắt và dán nhà cao tầng- Cắt hàng rào- Xếp chồng và lắp ráp các khối gỗ- Tết sợi đôi- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.- Phun màu* Chơi nhóm:<ul style="list-style-type: none">- Phun màu- Phun màu- Vẩy màu- In bàn tay lên giấy- Làm vòng cho bé
--	--	---

			<p>* Xem clip bài học kỹ năng thực hành cuộc sống: tự cài, cởi cúc, cách mặc áo, cởi áo. buộc dây giày. Đi giày. Cắt dép.Đóng mở đai...</p> <p>* Trò chơi: Bé tự giác; Nhà tạo mẫu tóc; Bé làm kiến trúc sư; Cầu thủ chuyên nghiệp; Mặc áo cho búp bê</p> <p>* Xem clip bài học kỹ năng thực hành cuộc sống: tự cài, cởi cúc, cách mặc áo, cởi áo. buộc dây giày. Đi giày. Cắt dép.Đóng mở đai.</p> <p>* Sự kiện :</p> <p>- Giáng sinh: Làm bánh quy</p> <p>- Tết hàn thực – Nặn bánh trôi</p>
--	--	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

MT8	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	✓	- Một số loại quả
MT9	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...biết một số món ăn cổ truyền trong ngày lễ, ngày tết		- Rau củ quả trong vườn - Một số vật nuôi trong gia đình - Bé ăn gì để khỏe mạnh?
MT10	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	☆	- Gắn lô tô các loại thực phẩm theo các nhóm - Bé thích ăn gì? - Bày mâm ngũ quả

			<ul style="list-style-type: none"> - Bày mâm ngũ quả - Tập pha nước cam - TC: Lựa chọn các hành vi đúng sai <p>Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p> <p>Kể tên một số món ăn trong bữa tiệc Buffet, bánh Trung Thu, bánh trôi nước chào mừng ngày Tết hàn Thực, bánh giày chào mừng ngày 10/3 một số món ăn trong ngày Tết Nguyên Đán...</p> <p>Biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
MT11	<p>2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. 	✓	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định...

	- Đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng và dung dịch sát khuẩn, khi có dịch bệnh xảy ra.		- Hướng dẫn trẻ đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng và dung dịch sát khuẩn khi có dịch bệnh.
MT12	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. Tập pha chế và làm một số món ăn đơn giản theo hướng dẫn của người lớn	☆	Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn, ăn hết suất ăn... Tổ chức cho trẻ thực hành chế biến một số món ăn đơn giản - Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
MT13	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Có 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn Buffet Và ăn tự chọn	✓	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Hướng dẫn trẻ 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn Buffet Và ăn tự chọn...
MT14	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, phòng chống một số bệnh về mắt, tai, mũi, họng, đội mũ khi ra nắng, đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	✓	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường

			<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt giữ gìn sức khỏe. - Nói với người lớn khi có biểu hiện bị đau, chảy máu, sốt... - Hướng dẫn trẻ vệ sinh răng miệng, phòng chống một số bệnh về mắt, tai, mũi, họng... <p>Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
MT15	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.		<ul style="list-style-type: none"> - Bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần.
MT16	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		<ul style="list-style-type: none"> - Các vật sắc nhọn không nên nghịch. - Bàn là nóng trẻ không sử dụng.
MT17	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Không cho người lạ chạm vào vùng kín 		<ul style="list-style-type: none"> - Ao, hồ, mương nước, sông, suối, bể chứa nước ... là nơi nguy hiểm trẻ không được đến gần - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT18	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:		<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn trẻ ghi nhớ quy tắc 5 ngón tay

<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. - Biết không cho người lạ chạm vào vùng kín 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết...
--	---

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

MT19	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Quan sát, nhận xét về các sự vật, hiện tượng, kết hợp quan sát, nhìn, sờ, ngửi ... để khám phá các đối tượng... VD; Cho thêm đường/ muối lên nước ngọt, mặn hơn...
MT20	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	☆
MT21	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	
MT22	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	
MT23	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	

		<p>Làm thí nghiệm đơn giản như: Pha màu, đường, muối, nước và so sánh nhận xét... VD; Cho thêm đường/ muối lên nước ngọt, mặn hơn...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về các đối tượng... - Kết hợp các giác quan để khám phá các đối tượng... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. <p>Chơi ngoài trời :</p> <ul style="list-style-type: none"> - T/C: Trời nắng trời mưa - Hoạt động có mục đích : Quan sát thời tiết ứng phó với biến đổi khí hậu - Chơi tự do
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT24	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	- Mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần

	- Biết làm một số thí nghiệm đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét theo phương pháp giáo dục STEAM		gửi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”
MT25	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		- Làm một số thí nghiệm đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét theo phương pháp giáo dục STEAM như: Núi lửa phun trào; Bảy sắc cầu vồng; Nước và dầu; Bong bóng và nước; Cát và nước... - Thực hiện nhiệm vụ cùng các bạn. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
MT26	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	✓	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT27	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...qua các hoạt động hàng ngày, ngày hội ngày lễ, ngày hội, sự kiện.....	✓	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... qua các hoạt động hàng ngày, ngày hội ngày lễ, ngày hội, sự kiện.....

			<p>Hoạt động làm quen với toán:</p> <p>LQVT Toán: “Đếm đến 3, nhận biết chữ số 3”</p> <p>LQVT Toán: “Đếm đến 2, nhận biết chữ số 2”</p>
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
MT28	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... - Làm quen với số đếm, đọc, phát âm chữ số bằng tiếng anh.	✓	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
MT29	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm được 1 vài chữ số bằng tiếng anh	✓	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
MT30	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	✓	Sử dụng tay chỉ để đếm các vật xung quanh trẻ
MT31	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		Hướng dẫn trẻ đọc số, phát âm chữ số bằng tiếng anh.
MT32	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Đếm số bằng tiếng anh theo khả năng
MT33	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT34	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.

			<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
2. Sắp xếp theo qui tắc			
MT35	<p>2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi - Xếp xen kẽ 		<ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
3. So sánh hai đối tượng			
MT36	<p>3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
4. Nhận biết hình dạng			
MT37	<p>4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,).</p>	✓	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. <p>LQVT Nhận biết phân biệt hình tròn, hình vuông</p>
MT38	<p>4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.</p>		
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			

MT39	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	☆	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. <p>Hoạt động làm quen với toán:</p> <p>LQVT : Xác định phía trên, phía dưới của bản thân</p> <p>Tc: Ai nhanh nhất</p>
MT40	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		

c) Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

MT41	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	☆	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. <p>KPXH: Trò chuyện về Cô giáo và các bạn của em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT42	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		
MT43	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.		
MT44	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	✓	
MT45	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
MT46	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	✓	

			<p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>Hoạt động khám phá:</p> <p>KPXH: Một số đồ dùng đồ chơi trong lớp.</p> <p>KPKH: Trò chuyện về bạn trai bạn gái</p> <p>KPKH: Trò chuyện về bạn trai bạn gái</p>
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
MT47	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
MT48	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.		- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
MT49	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			

1. Nghe hiểu lời nói			
MT50	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.		- Nghe hiểu lời nói và làm theo được 2, 3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày.
MT51	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...		- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: Đồ dùng/ thực vật/ động vật...
MT52	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.		- Nghe, hiểu nghĩa các từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ. Nghe, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
MT53	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. - Kể rõ ràng, có trình tự, thuyết trình, diễn giải về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	✓	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
MT54	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	✓	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.
MT55	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT56	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.		
MT57	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	✓	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.
MT58	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. - Kể chuyện sáng tạo theo tranh minh họa.	✓	
MT59	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		Chơi hoạt động ở các góc

MT60	<p>2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp phù hợp với tình huống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen và phát âm 1 số từ tiếng Anh đơn giản hello, hi, thank you - Nghe hiểu một số từ, một số câu tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp phù hợp với độ tuổi Sử dụng từ bằng tiếng anh: Hello, Good bye, hi, thankyou, sorry... 	☆	<p>Chơi hoạt động theo ý thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HĐ1: Trò chơi "tập tầm vông" * HĐ2: Thiết kế hộp đựng bút * HĐ3: Chơi tự chọn. <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</p>
MT61	<p>2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và Hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. Kể lại sự việc có nhiều tình tiết trong cuộc sống hàng ngày, trong các câu truyện trong và ngoài trường trình phù hợp với độ tuổi mà trẻ được nghe - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Đóng kịch. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.

			<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn trẻ mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. - Làm quen và phát âm 1 số từ tiếng Anh đơn giản hello, hi, thank you - Nghe hiểu một số từ, một số câu tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp phù hợp với độ tuổi Sử dụng từ bằng tiếng anh: Hello, Good bye, hi, thankyou, sorry... - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Chơi hoạt động ở các góc
--	--	--	---

3. Làm quen với đọc, viết

MT62	3.1. Chọn sách để xem.		
MT63	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. - Biết gọi tên một số con vật, màu sắc bằng tiếng anh...		<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Gọi tên một số con vật, màu sắc bằng tiếng anh...
MT64	3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). - Đọc tên người thân, đồ vật, hoa, quả, con vật, màu sắc, bằng tiếng anh		<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - ""Đọc"" truyện qua các tranh vẽ.
MT65	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...		<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên người thân, đồ vật, hoa, quả, con vật, màu sắc, bằng tiếng anh...
MT66	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...		<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong

			<p>cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)</p> <p>- Làm quen với cách viết tiếng việt (Hướng dẫn viết các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)</p> <p>- Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái.</p>
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
MT67	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	✓	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, người thân
MT68	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	✓	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
MT69	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	✓	- Chơi theo nhóm, theo góc - Lấy và cất đồ chơi đúng nơi quy định
MT70	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).	✓	- Giữ gìn đồ chơi , tham gia lao động vệ sinh môi trường và lớp học - Chơi, hoạt động ở các góc - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
MT71	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.		- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT72	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. Biết những hành vi tiêu cực (đánh bạn, cào cấu, quăng quật, gào khóc...) khi được người khác an ủi, giải thích...	✓	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT73	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		Nhận biết những hành vi tiêu cực (đánh bạn, cào cấu, quăng quật, gào khóc...) khi được người khác an ủi, giải thích... - Nhận biết về Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT74	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
MT75	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
MT76	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Lắng nghe ý kiến của người khác.
MT77	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Làm quen với cách chào hỏi bằng tiếng anh đơn giản	☆	Chơi ngoài trời - HĐCMĐ: Trò chuyện về những nơi nguy hiểm - TCVD: Chạy nhanh tới đích - Chơi tự do
MT78	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	✓	

MT79	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	
MT80	4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Quan tâm giúp đỡ bạn bè - Hướng dẫn trẻ xin lỗi, chào hỏi lễ phép bằng tiếng anh... - Chờ đến lượt, hợp tác. ✓ - Quan tâm giúp đỡ bạn. - Tham gia vào hoạt động tập thể như: Chơi, trực nhật... <p>Chơi ngoài trời</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐCMĐ: Trò chuyện về những nơi nguy hiểm - TCVD: Chạy nhanh tới đích - Chơi tự do <p>Chơi hoạt động theo ý thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - T/c “Dung dăng dung dẻ” - Chọn hình ảnh đúng sai về hành vi bảo vệ môi trường. - Chơi tự chọn.

			Hoạt động chiều - Vận động trên gia điệu bài hát tiếng anh đơn giản - Trò chơi: Rồng rắn lên mây - Chơi tự chọn.
5. Quan tâm đến môi trường			
MT81	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.		- Biểu lộ cảm xúc với con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Tiết kiệm điện, nước. - TC: Bé nào giỏi - Dạy trẻ kỹ năng “ Bỏ rác vào đúng nơi quy định”: - Chơi tự chọn
MT82	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định. Phân biệt các loại rác	☆	
MT83	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.		
MT84	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
MT85	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	✓	- Thể hiện sự thích thú vui sướng khi được nghe các âm thanh của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ
MT86	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Trẻ chú ý nghe, hưởng ứng (hát, vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy ...) theo bài hát, bản nhạc, dân ca và tiếng anh;	☆	-Tham gia nghe hát, hát, vỗ tay, nhún, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.

	thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện - Thể hiện các vận động nhịp nhàng, phù hợp với giai điệu của một số bài hát tiếng anh.		Cảm nhận sự thích thú, ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình
MT87	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		<p>Âm nhạc</p> <p>Sinh hoạt văn nghệ theo chủ đề " Mầm non hạnh phúc thân yêu"</p> <p>- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).</p> <p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.</p> <p>- Thực hiện các vận động nhịp nhàng, phù hợp với giai điệu của một số bài hát tiếng anh.</p> <p>- Thể hiện thái độ, tình cảm, và sử dụng các từ gợi cảm của bản thân về màu sắc, hình dáng, bố cục...của các sản phẩm tạo hình (xem triển lãm tranh, sản phẩm của bé)</p> <p>Hoạt động âm nhạc:</p> <p>Sinh hoạt văn nghệ " Cùng bé yêu khôn lớn"</p>
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
MT88	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	✓	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

MT89	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	✓	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT90	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	✓	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT91	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	✓	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT92	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	✓	
MT93	2.6. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	✓	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT94	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
MT95	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	✓	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
MT96	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		
MT97	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.

MT98	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT99	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. Tạo được (sách, tranh) theo ý thích theo chủ đề sự kiện.		
Các hoạt động không phục vụ mục tiêu			

Ban giám hiệu

Giáo viên

Phó hiệu trưởng



Bùi Thị Liễu

